TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Trần Thị Bích Huề

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị D, sinh năm 1996. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-5-2022 bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau. Những mâu thuẫn đó đã được gia đình bên nội và bên ngoại cùng hai vợ chồng nhiều lần hòa giải xong không thành. Nay chị Triệu Thị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T.

Về nuôi con chung: Chị Triệu Thị D anh Đặng Văn T có 02 con chung cháu Đặng Xuân B, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013 và cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2015 hiện nay hai cháu đang sống cùng anh T cuộc sống ổn định khi ly hôn Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng

hai cháu B và T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T không có tài sản chung và không nợ ai nên Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại bản tự khai anh T đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Triệu Thị D đã trình bày là đúng. Khi sống cùng nhau anh T và Chị D hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó đã được gia đình bên nội và bên ngoại cùng hai vợ chồng nhiều lần hòa giải xong không thành. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay anh T và Chị D không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, nay Chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng chưa phân chia xong tài sản chung.

Về nuôi con chung: Anh Đặng Văn T và chị Triệu Thị D có 02 con chung cháu Đặng Xuân B, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013 và cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2015 nếu Tòa án giải quyết anh và Chị D ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và cháu T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh T không yêu cầu Chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Văn T và chị Triệu Thị D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Đặng Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Triệu Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp khi sống cùng nhau Chị D và anh T hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn sau đó nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp

nhau. Những mâu thuẫn đó đã được gia đình bên nội và bên ngoại cùng hai vợ chồng nhiều lần hòa giải xong không thành.

Nay chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T xác định tình cảm vợ chồng đều đã hết, Chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn Chị D, hiện nay Chị D và anh T đã ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa, anh T không đồng ý ly hôn Chị D vì lý do vợ chồng chưa phân chia xong tài sản chung xét thấy trong đơn khởi kiện của Chị D cùng các lời khai và yêu cầu của anh T đều không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung nên không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án việc anh T viện lý do chưa phân chia xong tài sản chung nên không ly hôn Chị D yêu cầu của anh T không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị D là có căn cứ còn yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh Đặng Văn T không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T có 02 con chung cháu Đặng Xuân B, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013 và cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2015. anh T có thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/01tháng có chỗ ở ổn định, khi ly hôn Chị D và anh T thống nhất anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và cháu T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, cháu B có nguyện vọng được ở cùng anh T. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của anh T được nuôi dưỡng cháu B và cháu T1 là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của cháu B và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Đặng Văn T không yêu cầu chị Triệu Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Triệu Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Văn T không phải chịu tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị D được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Xuân B, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013 và cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Triệu Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Triệu Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0002832, ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Triệu Thị D và anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Lâm